

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 27/03/2023

*“V/v: TrA chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”.*

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế A.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị H;

2. Bà Nguyễn Thị ThA V.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đàm Thu D - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân A - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về: *“TrA chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị O**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 649 Hùng Vương, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**2. Bị đơn:** Vợ chồng ông **Lò Trọng T**, sinh năm 1978

Bà **Vy Thị H**, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Thuận, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Thôn R'Hang Trụ, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Chị **Đinh Thị Minh T**, sinh năm 1986;

3.2. Chị **Đinh Thị Mai T**, sinh năm 1991;

3.3. Chị **Đinh Thị Thu Y**, sinh năm 1992;

3.4. A **Đinh Văn T**, sinh năm 1994;

3.5. Chị **Đinh Thị T A**, sinh năm 2001.

Cùng trú tại: 649 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*(Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vợ chồng ông T, bà H đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị O thì: Ngày 11/12/2015 âm lịch (tức là ngày 20/01/2016 dương lịch), chồng bà là ông Đinh Văn Tân (đã chết năm 2018) có cho vợ chồng ông Lò Trọng T, bà Vy Thị H vay số tiền 30.000.000đ. Khi vay, ông T là người viết giấy biên nhận về việc vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng. Việc vay tiền hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Mục đích vợ chồng ông T, bà H vay tiền của gia đình bà là để đầu tư mua phân bón chăm sóc cà phê. Quá trình vay đến hạn trả nợ, khi ông Tân chồng bà còn sống đã yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả số tiền trên. Sau khi ông Tân chồng bà chết thì bà đã trực tiếp đến nhà vợ chồng ông T, bà H yêu cầu trả số tiền trên rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà H vẫn không trả nợ cho bà mà nhiều lần khất nợ.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/8/2022, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay là 80 tháng x 1%/tháng x 30.000.000đ = 24.000.000đ. Tổng cộng là 54.000.000đ.

Quá trình làm việc, đến ngày 09/3/2023, bà O có đơn trình bày ý kiến xác định, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 21/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/3/2023 tính tròn là 74 tháng với số tiền là 30.000.000đồng x 0,83%/01 tháng x 74 tháng = 18.426.000đ; tổng cộng là 48.426.000đ. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Theo lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông Lò Trọng T, bà Vy Thị H thì: Ngày 11/12/2015 âm lịch, vợ chồng ông, bà có vay của ông Đinh Văn Tân, chồng bà Trần Thị O số tiền là 30.000.000đ. Khi vay, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, không thỏa thuận lãi. Quá trình vay, do bệnh tật nên ông, bà chưa có điều kiện trả nợ cho vợ chồng ông Tân, bà O. Nay bà O khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả nợ gốc và lãi thì ông, bà xác định có nợ ông Tân, bà O số tiền nợ vay gốc 30.000.000đ là đúng. Vợ chồng ông, bà xin bà O cho ông, bà tiền lãi; còn số nợ gốc 30.000.000đ ông, bà đồng ý trả nợ cho bà O.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh T, chị Đinh Thị Mai T, chị Đinh Thị Thu Y, A Đinh Văn T và chị Đinh Thị T A cùng có ý kiến trình bày: các A, chị là con của bà Trần Thị O, ông Đinh Văn Tân. Bố A, chị đã chết năm 2018, A chị thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O, các A chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do vợ chồng ông T, bà H vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O, buộc vợ chồng T, bà H phải trả cho bà Trần Thị O số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Vợ chồng ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến trA luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông T, bà H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn bà O và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T, chị T, chị Y, A T, chị A vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ trA chấp:* Theo yêu cầu khởi kiện, bà O xác định ông Tân chồng bà có trực tiếp cho ông T, bà H vay tiền vào ngày 20/01/2016. Khi vay, ông T là người viết giấy vay thể hiện vay tiền của “gia đình A Tân”, thỏa thuận thời hạn vay 12 tháng. Quá trình vay tiền, ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ông Tân, bà O đã đòi nhiều lần. Năm 2018 ông Tân chết. Những người thừa kế của ông Tân có bà O là vợ ông Tân cùng các con của ông Tân là chị T, chị T, chị Y, A T, chị A. Việc ông T, bà H vay tiền thời điểm ngày 20/01/2016 là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Tân với bà O. Nay bà O khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả nợ vay thì các con của ông Tân cũng thống nhất theo yêu cầu của bà O. Ngoài ra, quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến nay thì vợ chồng ông T, bà H không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đối với yêu cầu của bà O. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ trA chấp của vụ án là: “TrA chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn bà O; bị đơn ông T, bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T, chị T, chị Y, A T, chị A. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung trA chấp và yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: Theo bà O cho rằng, vợ chồng ông T, bà H có vay của vợ chồng bà số tiền 30.000.000đ. Khi vay ông T có viết giấy biên nhận về việc vay tiền với ông Tân vào ngày 11/12/2015 âm lịch. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng ông T, bà H xác định có nợ tiền vay của ông Tân, bà O như bà O trình bày là đúng và xác định đến nay khoản nợ vay của ông, bà với ông Tân, bà O theo giấy vay tiền ngày 11/12/2015 thì ông, bà chưa trả. Nội dung các đương sự trình bày và xác nhận phù hợp với chứng cứ là “Giấy biên nhận” về việc vay tiền ngày 11/12/2015 do bà O xuất trình, có chữ ký ghi họ tên của “Lò Trọng T”, “Vy Thị H”, thể hiện nội dung “*Hôm nay ngày 11/12/2015 (AL) vợ chồng tôi là Lò Trọng T và vợ là Vy Thị H trú tại thôn Tân Thuận, xã Tân Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng điện thoại số 0979805014 có mượn của gia đình A Tân số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng chẵn) Hẹn 12 tháng hoàn trả*”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, việc ông Đình Văn Tân chồng bà Trần Thị O có cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền là 30.000.000đ là có xảy ra trên thực tế.

Nay, bà O khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả nợ gốc và lãi thì ông T, bà H đồng ý trả cho bà O số tiền nợ gốc là 30.000.000đ; còn tiền lãi ông T, bà H xin bà O. Nhận thấy, đối với khoản tiền ông Tân trực tiếp cho ông T, bà H vay vào ngày 11/12/2015 âm lịch, tức ngày 20/01/2016 dương lịch là trong thời kỳ hôn nhân của ông Tân với bà O; giấy vay ông T viết cũng thể hiện “*vay của gia đình A Tân*”. Năm 2018 ông Tân chết. Nay bà O khởi kiện thì những người thừa kế là các con của ông Tân đều thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà O. Do vậy, cần buộc ông T, bà H phải trả cho bà O số tiền nợ vay gốc 30.000.000đ là phù hợp.

[3.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn thì nhận thấy, theo đơn trình bày ý kiến ngày 09/3/2023 bà O xác định yêu cầu ông T, bà H phải trả tiền lãi theo mức 0,83%/01 tháng tính từ ngày 21/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 74 tháng. Xét thấy, theo “giấy biên nhận” về việc vay tiền ngày 11/12/2015 âm lịch (tức ngày 20/01/2016 dương lịch) thì ông T, bà H thỏa thuận thời hạn vay tiền của vợ chồng ông Tân, bà O là 12 tháng. Do vậy, ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/01/2017. Mức lãi bà O yêu cầu 0,83%/01 tháng tương đương mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/01 năm. Mặc dù ông T, bà H có ý kiến xin tiền lãi của bà O nhưng bà O không đồng ý. Bà O yêu cầu ông T, bà H phải trả tiền lãi phù hợp theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà O số tiền lãi là  $30.000.000đ \times 0.83\%/01 \text{ tháng} \times 74 \text{ tháng} = 18.426.000đ$ .

#### [4] Về án phí:

Buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn là  $48.426.000đ \times 5\% = 2.421.000đ$  (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên:

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O đối với chồng ông Lò Trọng T, bà Vy Thị H về việc: *“TrA chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

Buộc vợ chồng ông Lò Trọng T, bà Vy Thị H phải trả cho bà Trần Thị O số tiền nợ vay tổng cộng là 48.426.000đ (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 18.426.000đ.

2. *Về án phí*: Buộc chồng ông Lò Trọng T, bà Vy Thị H phải chịu 2.421.000đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.248.000đ (*Một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003543 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”*.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**Nguyễn Thế A**

**Các thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Trần Thị ThA Vân - Trần Thị Hằng**

**Nguyễn Thế A**

